

Phục lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH: 37 DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 1.004688	- 16 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ tài nguyên và môi trường.
2	Chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm	<ul style="list-style-type: none"> - 16 ngày. - Đối với 	Trung tâm phục vụ hành chính	Nộp trực tiếp hoặc	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1.010200	các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	công tỉnh Sơn La	qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến		15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa. - Quyết định 1686/QĐ-BTNMT ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt	- 15 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (<i>Đối với dự án đầu tư đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định này. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh;</i></p>	<p>thêm 10 ngày.</p>				<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p><i>phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ thẩm định trong thời gian thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời, chủ đầu tư được tiến hành khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Thời điểm thẩm định nhu cầu sử dụng đất xin</i></p>					<p>trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa. - Quyết định 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p><i>giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ,</i></p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p><i>đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất)</i></p> <p>1.003010</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
4	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức</p>	<p>- 14 ngày; - 16 ngày đối với các hồ sơ có các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính:</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>nước ngoài có chức năng ngoại giao (đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc</p>	<p>Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>			<p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.</p>	<p>hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	giải phóng mặt bằng) 1.002253					<p>trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. - Quyết định 1839/QĐ-BTNMT ngày 17/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - 14 ngày; - 16 ngày đối với các hồ sơ có các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất - Đối với các xã thuộc khu 	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (<i>Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội</i>	vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.			<p>6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p><i>vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)</i></p> <p>1.002040</p>					<p>23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định 1839/QĐ-BTNMT ngày 17/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
6	<p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài,</p>	<p>- 12 ngày - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ</p>	<p>- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 1.004257	04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.		công trực tuyến	<p>10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy. + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/hồ sơ; + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/hồ sơ;</p>	<p>tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;</p>	<p>ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p>
7	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở,	Không quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Không	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>1.000964</p>					<p>sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương án định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;- Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính về đất đai;- Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						cửa.
8	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng 1.001007	- Thời gian từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi đất: chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>180 ngày đối với đất phi nông nghiệp.</p> <p>- Thời gian ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc: 10 ngày kể từ ngày người sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã vận động, thuyết phục thực hiện Thông báo thu hồi đất.</p> <p>- Thời gian</p>				<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương án định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>- Thời gian bàn giao đất đối với trường hợp người bị cưỡng chế thu hồi đất chấp hành</p>				<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		quyết định cưỡng chế: chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự chấp hành của người có đất bị thu hồi.				Môi trường công bố thủ tục hành chính về đất đai.
9	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ	Không	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>1.001039</p>					<p>sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/201 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương án định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa;</p> <p>- Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính về đất đai.</p>
10	<p>Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>1.004193</p>	- 07 ngày.	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>Lệ phí địa chính:</p> <p>- Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa;- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
11	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử	<ul style="list-style-type: none"> - 08 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với tổ chức: Trung tâm hành chính công tỉnh 	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	Lệ phí địa chính: <ul style="list-style-type: none"> - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện 1.004177	vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Sơn La - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến		Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Thẩm định phương án sử dụng đất của Công ty nông lâm nghiệp 2.000962	- 15 ngày (không bao gồm thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thời gian các cơ quan gửi văn bản góp ý kiến về Sở Tài nguyên và Môi trường)	Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; - Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Công ty nông, lâm nghiệp; <p>Quyết định số Quyết định số 634/QĐ-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ tài nguyên và môi trường.
13	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu 1.005398	- 09 ngày - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Môi trường quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
14	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý 2.001938	- 07 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính,	Không	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	trực tuyến		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
15	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	gắn liền với đất 1.004238	vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	chính, trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
16	<p>Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung</p>	<p>- 06 ngày đối với trường hợp hợp không phát sinh nghĩa vụ tài chính; - 08 ngày đối với trường hợp phát sinh nghĩa vụ tài chính; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến</p>	<p>Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p> <p>1.004227</p>	<p>04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>				<p>Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
17	<p>Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề</p>	<p>- 07 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, trực tuyến</p>	<p>Lệ phí: + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.004221	tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Sơn La			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
18	Tách thửa hoặc hợp thửa đất 1.004203	<ul style="list-style-type: none"> - 08 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	tỉnh Sơn La		30.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về quy định cụ thể một số Điều của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 1.004199	- 06 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² – dưới 300.000 m ² : 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² – dưới 500.000 m ² : 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m ² trở lên: 5.290.000	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần;</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.</p>	<p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>HĐND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
20	<p>Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu</p> <p>1.011616</p>	<p>- 20 ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>1. Phí thẩm định</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được tăng thêm 10 ngày.			<p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy;</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy</p>	<p>chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p> sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính </p> <p> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; </p> <p> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ </p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về ban hành quy định chi tiết nội dung được quy định tại một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
21	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	<p>- 19 ngày.</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	<p>1. Phí thẩm định</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng.</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²:</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	2.000983	04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	hành chính công tỉnh Sơn La		<p>3.170.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy;</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất</p>	<p>sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					(không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy	<p>44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về ban hành quy định chi tiết nội dung được quy định tại một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
22	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất</p> <p>1.002255</p>	<p>- 19 ngày.</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>1. Phí thẩm định</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng.</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy;</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy</p>	<p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La về ban hành quy định chi tiết nội dung được quy định tại một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
23	<p>Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp 2.000976</p>	<p>- 11 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thêm 10 ngày.			<p>100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai</p> <p>- Thông tư 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển	- 09 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	* Đối với tổ chức - Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² - 5000 m ² : 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² - 10.000 m ² : 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - 100.000 m ² :	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở</p> <p>1.002273</p>	<p>thêm 10 ngày.</p>			<p>5.290.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng.</p> <p>- Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần. * Đối với hộ gia đình, cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: + Khu vực đô thị: 210.000 đồng + Khu vực nông thôn: 100.000 đồng - Lệ phí: + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 	<p>ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>90.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 25.000 đồng/giấy</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần</p>	<p>dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước</p>
25	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm</p>	<p>- 08 ngày.</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>- Phí thẩm định:</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - 5000 m²: 2.110.000 đồng.</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - 10.000 m²: 3.170.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định 1.002993</p>	<p>Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>			<p>10.000 m² - 100.000 m²: 5.290.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng.</p> <p>- Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000</p>	<p>ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng/giấy.</p> <p>+ Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.</p>	<p>phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
26	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài	- 10 ngày đối với thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p> <p>2.000889</p>	<p>vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>- 03 ngày đối với thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.</p> <p>- 05 ngày đối với thủ tục đăng ký biến động quyền</p>			<p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Trường hợp cấp lại (kể cả cấp</p>	<p>chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-</p>			<p>lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.				trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
27	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm 1.001991	- 15 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thêm 10 ngày.			<p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Trường hợp cấp lại (kể cả cấp</p>	<p>chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
28	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng	- 09 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp 2.000880	thêm 10 ngày.			+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² – dưới 300.000 m ² : 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² – dưới 500.000 m ² : 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m ² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp	chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
29	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử	- 20 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² – dưới 300.000 m ² :	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	dụng đất 1.001134				3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² – dưới 500.000 m ² : 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m ² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ	ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
30	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất 1.005194	- 06 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² – dưới 300.000 m ² : 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² – dưới 500.000 m ² : 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m ² trở lên: 5.290.000	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
31	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>1.001045</p>	<p>- 09 ngày.</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>1. Phí thẩm định</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng.</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng.</p> <p>2. Lệ phí:</p> <p>+ Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Trung ương;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
32	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất 1.001009	- 08 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² - 5000 m ² : 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² - 10.000 m ² : 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - 100.000 m ² : 5.290.000 đồng	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thêm 10 ngày.			<p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng.</p> <p>- Lệ phí:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động</p>	<p>chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>đất đai : 30.000 đồng/lần.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.</p>	<p>ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước.</p>
33	<p>Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế 1.001990</p>	<p>- 07 ngày.</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>1. Phí thẩm định</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng.</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²:</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.			<p>2.640.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng.</p> <p>- Lệ phí:</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng.</p> <p>+ Trích lục bản đồ, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng.</p> <p>+ Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với</p>	<p>sung một số Nghị định Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>đất: 40.000 đồng; Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất): 20.000 đồng.</p>	<p>điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước.
34	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo 1.004217	<ul style="list-style-type: none"> - 07 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thêm 10 ngày.				<p>Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước.
35	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền	- 11 ngày. - Đối với	Bộ phận tiếp nhận	Nộp hồ sơ trực	- Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>với đất vào giấy chứng nhận đã cấp</p>	<p>các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>1000 m²: 1.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - 5000 m²: 2.110.000 đồng.</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - 10.000 m²: 3.170.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - 100.000 m²: 5.290.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng</p> <p>+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng.</p> <p>Lệ phí:</p>	<p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần.</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần</p>	<p>số điều củ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ tài nguyên và môi trường công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
36	Cung cấp dữ liệu đất đai 1.004269	- Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ thì phải cung	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	Lệ phí: Thực hiện theo Khoản 15 phụ lục số 01 Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn	- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp dữ liệu đất đai được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo</p> <p>- Trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai dưới hình thức tổng hợp thông tin thì thời hạn cung cấp dữ liệu đất đai được</p>	<p>trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>chính</p>	<p>La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p>	<p>- Thông tư số 34/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.				<p>quyết định của HĐND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
37	<p>Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>1.004267</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 50 ngày - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020. - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.				công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ tài nguyên và môi trường.

B. CẤP HUYỆN: 31 DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư 2.001234	- 15 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	Không	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất 2.000381	<ul style="list-style-type: none"> - 14 ngày; - 16 ngày đối với các hồ sơ có các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.			+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	<p>Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa;</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;</p> <p>- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
3	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ	- 12 ngày - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).	- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	gia đình, cá nhân 1.000798	vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.		công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). - Lệ phí địa chính: + Cấp mới trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/giấy + Cấp mới trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất: 25.000 đồng/giấy + Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/giấy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
4	<p>Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu</p> <p>1.002335</p>	<p>- 20 ngày.</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công</p>	<p>- Phí thẩm định:</p> <p>+ Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>+ Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.		trực tuyến	<p>thôn).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. 	<p>tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
5	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu 1.002314	- 19 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	<p>- Phí thẩm định:</p> <p>+ Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>+ Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>- Lệ phí địa chính:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài	- 19 ngày. - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc	<p>- Phí thẩm định:</p> <p>+ Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>+ Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất</p> <p>1.002291</p>	<p>số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>		<p>dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>(đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>- Lệ phí địa chính:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.</p>	<p>06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
7	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp 1.004193	- 07 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	Lệ phí địa chính: - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
8	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở	- 08 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Lệ phí địa chính: Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần.	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện</p> <p>1.002969</p>	<p>Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>		<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;</p> <p>(6) Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>(7) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>(8) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Môi trường về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						năng quản lý nhà nước
9	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "dồn điền, đổi thửa" (đồng loạt) 1.011982	- 10 ngày - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	<p>- Phí thẩm định:</p> <p>+ Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>+ Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>- Lệ phí địa chính:</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.</p> <p>Quyết định 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ tài nguyên và môi trường</p>
10	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người;	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam</p> <p>1.005187</p>					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/201 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương án định giá đất; xây dựng, điều chỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai;- Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa. - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính về đất đai.
11	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc	- Thời gian từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	gia, công cộng. 1.001007	<p>định thu hồi đất: chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp.</p> <p>- Thời gian ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc: 10 ngày kể từ ngày người sử dụng đất được Ủy ban nhân</p>				<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <p>- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/201 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương án định giá đất; xây dựng, điều chỉnh</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>dân cấp xã vận động, thuyết phục thực hiện Thông báo thu hồi đất.</p> <p>- Thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>- Thời gian</p>				<p>bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>bàn giao đất đối với trường hợp người bị cưỡng chế thu hồi đất chấp hành quyết định cưỡng chế: chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự chấp hành của người có đất bị thu hồi.</p>				<p>hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính về đất đai; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa. - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính về đất đai.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
12	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam 1.005367	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương án định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật Đất đai và sửa đổi thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư quy định hướng dẫn Luật Đất đai; - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính về đất đai; - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa. - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính về đất đai.
13	<p>Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.</p> <p>1.005398</p>	<p>- 09 ngày</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	Không	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Luật đất đai của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>tiết thi hành Luật Đất đai và sửa sử đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
14	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao	<p>- 07 ngày;</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch	Không	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đất để quản lý 2.001938	vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	UBND cấp huyện hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến		<p>chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước. - Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
15	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	- 03 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc bộ phận	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng đất làm nhà ở: 90.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 45.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) + Trường hợp sử dụng đất kinh	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	1.004238	số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	hoặc dịch vụ công trực tuyến	<p>doanh: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>Lệ phí địa chính:</p> <p>+ Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 15.000 đồng/lần.</p>	<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <p>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Tài nguyên và Môi trường
16	<p>Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay</p>	<p>- 06 ngày đối với trường hợp không phát sinh nghĩa vụ tài chính; - 08 ngày đối với trường hợp phát sinh nghĩa vụ tài chính - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng đất làm nhà ở: 90.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) + Trường hợp sử dụng đất kinh doanh: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). Lệ phí địa chính: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận 1.003877	số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.			đất đai: 15.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>- Nghị quyết 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
17	<p>Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề 1.004221</p>	<p>- 07 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng đất làm nhà ở: 90.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 45.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) + Trường hợp sử dụng đất kinh doanh: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). Lệ phí địa chính: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>được tăng thêm 10 ngày.</p>			<p>lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 15.000 đồng/lần.</p> <p>+ Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần.</p>	<p>đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
18	Tách thửa hoặc hợp thửa đất 1.004203	- 08 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	Lệ phí địa chính: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>huyện hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã</p>	<p>chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>20.000 đồng/lần. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 15.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần.</p>	<p>Luật Đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 135/2020/NQ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
19	<p>Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>1.004199</p>	<p>- 06 ngày;</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ</p>	<p>Phí thẩm định:</p> <p>+ Trường hợp sử dụng đất làm nhà ở: 90.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn)</p> <p>+ Trường hợp sử dụng đất kinh doanh: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	quả cấp xã	công trực tuyến	thôn). Lệ phí địa chính: + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/hồ sơ; + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/hồ sơ;	định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Nghị quyết 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
20	<p>Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>2.000976</p>	<p>- 11 ngày;</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công</p>	<p>Phí thẩm định</p> <p>+ Trường hợp sử dụng đất làm nhà ở: 90.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn)</p> <p>+ Trường hợp sử dụng đất kinh doanh: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>		<p>trực tuyến</p>	<p>thôn).</p> <p>Lệ phí địa chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/Giấy (đối với tổ chức); 20.000 đồng/Giấy (đối với hộ gia đình, cá nhân) - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần (đối với tổ chức), 15.000 đồng/lần (đối với hộ gia đình, cá nhân) 	<p>định chi tiết thi hành Luật Đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Nghị quyết 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
21	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục	- 08 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	Phí thẩm định: + Sử dụng đất làm nhà ở: 185.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 90.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) + Sử dụng đất kinh doanh: 275.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị), 135.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 90.000 đồng/Giấy + Trường hợp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 25.000	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	chuyển quyền theo quy định 1.002993				đồng/Giấy + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần	sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
22	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền</p>	<p>- 10 ngày đối với thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>Phí thẩm định</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng đất làm nhà ở: 185.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 90.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) + Sử dụng đất kinh doanh: 275.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị), 135.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) <p>Lệ phí địa chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp Giấy chứng nhận quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p> <p>2.000410</p>	<p>chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>- 03 ngày đối với thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với</p>			<p>sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 90.000 đồng/giấy</p> <p>+ Trường hợp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 25.000 đồng/giấy</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần</p>	<p>ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <p>- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.</p> <p>- 05 ngày đối với thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản</p>				<p>chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>				<p>điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <p>- Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>- Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
23	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm 1.001991	- 15 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định + Sử dụng đất làm nhà ở: 185.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 90.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) + Sử dụng đất kinh doanh: 275.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị), 135.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) - Lệ phí địa chính: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản) + Cấp mới: 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>đồng/lần.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực nông thôn miễn Lệ phí địa chính địa chính</p>	<p>hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 và Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
24	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ	- 06 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến	Phí thẩm định + Trường hợp sử dụng đất làm nhà ở: 90.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 45.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) + Trường hợp sử dụng đất kinh doanh: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 90.000 đồng/Giấy + Trường hợp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 25.000	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất: đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p> <p>2.000880</p>				<p>đồng/Giấy</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần.</p>	<p>hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa sử đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
25	Đăng ký biến động đối với trường hợp	- 20 ngày; - Đối với các xã	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Nộp trực tiếp hoặc	Phí thẩm định: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 275.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p> <p>1.001134</p>	<p>thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>quả của UBND cấp huyện</p>	<p>qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>(đối với khu vực đô thị), 135.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Lệ phí địa chính: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần. 	<p>ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực nông thôn miễn Lệ phí địa chính địa chính</p>	<p>ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính</p> <p>- Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
26	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy	- 06 ngày; - Đối với các xã thuộc khu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch	Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng đất làm nhà ở: 90.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
	<p>chứng nhận do bị mất 1.005194</p>	<p>vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>sơ (đối với khu vực nông thôn) + Trường hợp sử dụng đất kinh doanh: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). Lệ phí địa chính: + Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 30.000 đồng/giấy. + Trường hợp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/giấy.</p>	<p>định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La</p> <p>- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>Nghị quyết 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>- Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước.
27	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>1.001045</p>	<p>- 09 ngày;</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>Phí thẩm định:</p> <p>Trường hợp sử dụng đất kinh doanh: 135.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 65.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn).</p> <p>Lệ phí địa chính:</p> <p>+ Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/giấy</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
28	<p>Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế 1.001990</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 07 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ trực tuyến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định Trường hợp sử dụng đất kinh doanh: 135.000/hồ sơ (đối với khu vực đô thị; 65.000 đồng (đối với khu vực nông thôn). - Lệ phí địa chính: <ul style="list-style-type: none"> + Cấp đổi trường hợp có tài sản; xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy + Cấp đổi trường hợp không có tài sản; xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>được tăng thêm 10 ngày.</p>			<p>đồng/giấy</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/lần</p> <p>+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 và Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <p>- Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước.</p>
29	<p>Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu</p> <p>1.004206</p>	<p>- 05 ngày;</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công</p>	<p>Lệ phí địa chính địa chính</p> <p>+ Cấp đổi Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000.000 đồng/giấy.</p> <p>+ Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/giấy.</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	UBND cấp xã	trực tuyến		<p>định chi tiết thi hành Luật Đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>quyền quyết định của HĐND tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường
30	<p>Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 11 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được tăng thêm 10 ngày.				<p>sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>- Quyết định 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ tài nguyên và môi trường công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
31	<p>Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>2.000395</p>	<p>- 35 ngày;</p> <p>- Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 ủa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí địa chính (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày.				<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La. - Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

C. CẤP XÃ: 01 DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Hòa giải tranh chấp đất đai 1.003554	- 40 ngày; - Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 ửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La Quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian thực hiện thủ tục hành chính của từng cơ quan đơn vị có liên quan trong lĩnh vực đất đai theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Sơn La - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ghi chú: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.

